

Số: **28** /TTr-UBND

Thái Nguyên, ngày **19** tháng 3 năm 2025

TỜ TRÌNH

**Về việc thông qua Nghị quyết danh mục và điều chỉnh danh mục các dự án
thu hồi đất, các dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa,
đất rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 15/TTr-SNNMT ngày 06/03/2025 về việc đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua danh mục và điều chỉnh danh mục các dự án thu hồi đất, các dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, Văn bản số 238/SNNMT-QLĐĐ ngày 13/3/2025 về việc không đăng ký bổ sung danh mục các dự án thu hồi đất, các dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng sản xuất trên địa bàn thành phố Thái Nguyên, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ hai mươi bảy (Kỳ họp chuyên đề) thông qua danh mục và điều chỉnh danh mục các dự án thu hồi đất, các dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng sản xuất, đất rừng phòng hộ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, với các nội dung như sau:

1. Sự cần thiết

Theo quy định tại khoản 5 Điều 72 Luật Đất đai năm 2024, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất; dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất mà có diện tích đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất theo quy hoạch.

Theo quy định tại Điều 50 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai thì phải tổng hợp danh mục các dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất mà có diện tích đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua trước khi phê duyệt kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện.

Để đáp ứng kịp thời nhu cầu sử dụng đất cho các công trình, dự án, nhằm phục vụ phát triển kinh tế xã hội của tỉnh; theo đề nghị của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thảo luận, xem xét thông qua danh mục và điều chỉnh danh mục các dự án thu hồi đất, các dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng sản xuất, đất rừng phòng hộ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

2. Nội dung


Đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết danh mục và điều chỉnh danh mục các dự án thu hồi đất, các dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, bao gồm:

a) Thông qua danh mục các dự án thu hồi đất, các dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, cụ thể như sau:

- 15 công trình, dự án thu hồi đất (*chi tiết tại Phụ lục I kèm theo*).

- 15 công trình, dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng sản xuất (*chi tiết tại Phụ lục II kèm theo*).


b) Thông qua điều chỉnh tên, diện tích đối với 02 công trình, dự án trên địa bàn thành phố Phổ Yên (*chi tiết tại Phụ lục III kèm theo*).

Trên đây là Tờ trình về việc thông qua Nghị quyết danh mục và điều chỉnh danh mục các dự án thu hồi đất, các dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua để có cơ sở triển khai thực hiện (*có Dự thảo Nghị quyết kèm theo*)./ 

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Ban KTNS - HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Lưu: VT, CNNXD, TH.

Anhd. T3.2025



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Loan



Phụ lục I

Danh mục 15 công trình, dự án thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

(Kèm theo Tờ trình số 28 /TTr-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
	TỔNG CỘNG		91,44	44,95	8,61			37,89
I	THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN		22,51	12,76	0,60			9,16
1	Khu tái định cư số 1, phường Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên	Phường Túc Duyên, TPTN	8,27	5,39				2,88
2	Khu tái định cư tổ 7, phường Quang Vinh, thành phố Thái Nguyên	Phường Quang Vinh, TPTN	4,72	1,41				3,31
3	Xây dựng nhà ở xã hội - Ngôi nhà xanh (green house)	Phường Tích Lương, TPTN	0,08	0,07				0,01
4	Khu tái định cư số 2, xã Cao Ngạn, thành phố Thái Nguyên	Xã Cao Ngạn, TPTN	7,06	5,42				1,64
5	Đường dây và Trạm biến áp 110kV Sông Công 5	Phường Tích Lương, TPTN	0,04					0,04
		Xã Thịnh Đức, TPTN	0,08	0,04				0,04
6	Khuôn viên cây xanh dọc đường Bắc Sơn kéo dài, xã Phúc Xuân, thành phố Thái Nguyên	Xã Phúc Xuân, TPTN	2,27	0,43	0,60			1,24
II	HUYỆN PHÚ BÌNH		68,93	32,19	8,01			28,73
1	Khu đô thị số 11 thị trấn Hương Sơn	Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình	3,18	3,00				0,18
		Xã Kha Sơn, huyện Phú Bình	1,11	0,68				0,43
2	Khu dân cư Miền An Châu, xã Nga My, huyện Phú Bình	Xã Nga My, huyện Phú Bình	5,40	3,76				1,64
3	Khu dân cư và tái định cư Nga My	Xã Nga My, huyện Phú Bình	10,00	4,35				5,65
4	Khu dân cư xóm Diễn, xã Tân Đức, huyện Phú Bình	Xã Tân Đức, huyện Phú Bình	9,85	6,10				3,75

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
5	Đường nối đường Vành đai 5 với Quốc lộ 37 và đi hồ Kim Đinh (đoạn từ Đường Vành đai 5 với Quốc lộ 37)	Xã Xuân Phương, huyện Phú Bình	13,00	7,31				5,69
6	Tuyến đường ĐH48 (đoạn kết nối từ ĐT269B - ĐT266B)	Xã Tân Hòa, huyện Phú Bình	2,67	0,99	0,90			0,78
		Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình	2,03	0,45	0,89			0,69
		Xã Tân Kim, huyện Phú Bình	3,78	0,55	1,32			1,91
7	Tuyến đường ĐH48 (đoạn kết nối từ ĐT266B - ĐT269C)	Xã Tân Kim, huyện Phú Bình	2,56	1,29				1,27
		Xã Bảo Lý, huyện Phú Bình	6,05	0,97	2,50			2,58
8	Tổ hợp văn hóa, thể thao cây xanh Đình Cả, thị trấn Hương Sơn	Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình	3,04	0,60	2,29			0,15
		Xã Xuân Phương, huyện Phú Bình	0,17	0,10				0,07
		Xã Kha Sơn, huyện Phú Bình	1,79	1,61				0,18
9	Mở rộng Nghĩa trang nhân dân Đình Sơn	Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình	2,76	0,43	0,11			2,22
		Xã Kha Sơn, huyện Phú Bình	1,54					1,54



Phụ lục II

Danh mục 15 công trình, dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

(Kèm theo Tờ trình số 18 /TTr-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
	TỔNG CỘNG		91,44	44,95	8,61			37,89
I	THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN		22,51	12,76	0,60			9,16
1	Khu tái định cư số 1, phường Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên	Phường Túc Duyên, TPTN	8,27	5,39				2,88
2	Khu tái định cư tổ 7, phường Quang Vinh, thành phố Thái Nguyên	Phường Quang Vinh, TPTN	4,72	1,41				3,31
3	Xây dựng nhà ở xã hội - Ngôi nhà xanh (green house)	Phường Tích Lương, TPTN	0,08	0,07				0,01
4	Khu tái định cư số 2, xã Cao Ngạn, thành phố Thái Nguyên	Xã Cao Ngạn, TPTN	7,06	5,42				1,64
5	Đường dây và Trạm biến áp 110kV Sông Công 5	Phường Tích Lương, TPTN	0,04					0,04
		Xã Thịnh Đức, TPTN	0,08	0,04				0,04
6	Khuôn viên cây xanh dọc đường Bắc Sơn kéo dài, xã Phúc Xuân, thành phố Thái Nguyên	Xã Phúc Xuân, TPTN	2,27	0,43	0,60			1,24
II	HUYỆN PHÚ BÌNH		68,93	32,19	8,01			28,73
1	Khu đô thị số 11 thị trấn Hương Sơn	Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình	3,18	3,00				0,18
		Xã Kha Sơn, huyện Phú Bình	1,11	0,68				0,43
2	Khu dân cư Miền An Châu, xã Nga My, huyện Phú Bình	Xã Nga My, huyện Phú Bình	5,40	3,76				1,64

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
3	Khu dân cư và tái định cư Nga My	Xã Nga My, huyện Phú Bình	10,00	4,35				5,65
4	Khu dân cư xóm Diễn, xã Tân Đức, huyện Phú Bình	Xã Tân Đức, huyện Phú Bình	9,85	6,10				3,75
5	Đường nối đường Vành đai 5 với Quốc lộ 37 và đi hồ Kim Đinh (đoạn từ Đường Vành đai 5 với Quốc lộ 37)	Xã Xuân Phương, huyện Phú Bình	13,00	7,31				5,69
6	Tuyến đường ĐH48 (đoạn kết nối từ ĐT269B - ĐT266B)	Xã Tân Hòa, huyện Phú Bình	2,67	0,99	0,90			0,78
		Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình	2,03	0,45	0,89			0,69
		Xã Tân Kim, huyện Phú Bình	3,78	0,55	1,32			1,91
7	Tuyến đường ĐH48 (đoạn kết nối từ ĐT266B - ĐT269C)	Xã Tân Kim, huyện Phú Bình	2,56	1,29				1,27
		Xã Bảo Lý, huyện Phú Bình	6,05	0,97	2,50			2,58
8	Tổ hợp văn hóa, thể thao cây xanh Đình Cả, thị trấn Hương Sơn	Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình	3,04	0,60	2,29			0,15
		Xã Xuân Phương, huyện Phú Bình	0,17	0,10				0,07
		Xã Kha Sơn, huyện Phú Bình	1,79	1,61				0,18
9	Mở rộng Nghĩa trang nhân dân Đình Sơn	Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình	2,76	0,43	0,11			2,22
		Xã Kha Sơn, huyện Phú Bình	1,54					1,54



Phụ lục III

Điều chỉnh tên, diện tích đối với 02 công trình, dự án trên địa bàn thành phố Phổ Yên

(Kèm theo Tờ trình số **28** /TTr-UBND ngày **19** tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Nghị quyết của HĐND tỉnh Thái Nguyên đã phê duyệt								Nay điều chỉnh lại như sau								Nguyên nhân, lý do điều chỉnh
STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Sử dụng từ nhóm đất (ha)				STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Sử dụng từ nhóm đất (ha)				
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác					Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác	
A	Nghị quyết 146/NQ-HĐND ngày 12/8/2021 của HĐND tỉnh Thái Nguyên															
1	Cụm công nghiệp Tân Phú 1	Phường Tân Phú, thành phố Phổ Yên	38,69	37,84			0,85	1	Cụm công nghiệp Tân Phú 1	Phường Tân Phú, thành phố Phổ Yên	41,26	40,39			0,87	Điều chỉnh diện tích của dự án giữa 2 phường Tân Phú và Đông Cao; điều chỉnh tăng diện tích đất trồng lúa từ 67,11 ha thành 68,37 ha do trước đây UBND thành phố Phổ Yên tổng hợp theo số liệu bản đồ cũ, nay đã tổng hợp theo đúng hiện trạng và số liệu đo đạc, chỉnh lý bản đồ Giải phóng mặt bằng mới. Quy mô, ranh giới của dự án không thay đổi
		Phường Đông Cao, thành phố Phổ Yên	35,81	29,27		6,54	Phường Đông Cao, thành phố Phổ Yên			33,24	27,98		5,26			
		TỔNG	74,50	67,11		7,39	TỔNG			74,50	68,37		6,13			
B	Nghị quyết 79/NQ-HĐND ngày 31/8/2023; Nghị quyết 107/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 của HĐND tỉnh Thái Nguyên															
1	Công viên cây xanh chuyên đề thành phố Phổ Yên (Giai đoạn 1: Hạng mục san nền)	Phường Nam Tiến, thành phố Phổ Yên	4,25	3,34			0,91	1	Công viên cây xanh chuyên đề thành phố Phổ Yên	Phường Nam Tiến, thành phố Phổ Yên	4,25	3,34			0,91	Điều chỉnh tên dự án để đảm bảo tiến độ thực hiện dự án; UBND thành phố Phổ Yên đã phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư theo Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 11/02/2025

Số: /NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Về việc thông qua danh mục và điều chỉnh danh mục các dự án thu hồi đất, các dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng sản xuất, đất rừng phòng hộ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN
KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ HAI MƯƠI BẢY (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 65/2025/QH15 ngày 19 tháng 2 năm 2025;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15; Luật Nhà ở số 27/2023/QH 15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 05 năm 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 227/QĐ-TTg ngày 12 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh một số chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2025 được Thủ tướng Chính phủ phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 222/QĐ-TTg ngày 14 tháng 3 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc thông qua Nghị quyết danh mục và điều chỉnh danh mục các dự án thu hồi đất, các dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua danh mục các dự án thu hồi đất, các dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, cụ thể như sau:

- 15 công trình, dự án thu hồi đất (*chi tiết tại Phụ lục I kèm theo*).
- 15 công trình, dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng sản xuất (*chi tiết tại Phụ lục II kèm theo*).

Điều 2. Thông qua điều chỉnh tên, diện tích đối với 02 công trình, dự án trên địa bàn thành phố Phổ Yên (*chi tiết tại Phụ lục III kèm theo*).

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ; căn cứ pháp lý của các dự án và tổ chức thực hiện Nghị quyết đảm bảo đúng chỉ tiêu sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai năm 2024, Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thời kỳ 2021 - 2030 và các văn bản pháp luật có liên quan.

Chỉ thực hiện việc thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất khi đã đảm bảo đầy đủ thủ tục, quy trình và đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình thực hiện, Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục rà soát quy mô, diện tích của từng dự án, đánh giá tiến độ triển khai, sắp xếp thứ tự ưu tiên thực hiện theo tính cấp thiết của từng dự án, đảm bảo mục tiêu sử dụng đất hiệu quả, tiết kiệm. Sau thu hồi, yêu cầu chủ đầu tư sớm đưa vào sử dụng đất có hiệu quả. Kiên quyết xử lý các dự án chậm triển khai, vi phạm Luật Đất đai theo quy định.

Tiếp tục cải cách hành chính, nhất là cải cách các thủ tục hành chính trong lĩnh vực đầu tư, xây dựng và đất đai. Tuân thủ đúng quy trình, quy định pháp lý trong tổ chức thực hiện thu hồi đất.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ hai mươi bảy (Kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày tháng 3 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (*Báo cáo*);
- Chính phủ (*Báo cáo*);
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (*Báo cáo*);
- Thường trực Tỉnh ủy (*Báo cáo*);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh Khóa XIV;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh;
- Kiểm toán nhà nước Khu vực X;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- TT HĐND và UBND các huyện, thành phố;
- Báo Thái Nguyên, Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

CHỦ TỊCH

Phạm Hoàng Sơn

Phụ lục I

Danh mục 15 công trình, dự án thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2025
của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
	TỔNG CỘNG		91,44	44,95	8,61			37,89
I	THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN		22,51	12,76	0,60			9,16
1	Khu tái định cư số 1, phường Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên	Phường Túc Duyên, TPTN	8,27	5,39				2,88
2	Khu tái định cư tổ 7, phường Quang Vinh, thành phố Thái Nguyên	Phường Quang Vinh, TPTN	4,72	1,41				3,31
3	Xây dựng nhà ở xã hội - Ngôi nhà xanh (green house)	Phường Tích Lương, TPTN	0,08	0,07				0,01
4	Khu tái định cư số 2, xã Cao Ngạn, thành phố Thái Nguyên	Xã Cao Ngạn, TPTN	7,06	5,42				1,64
5	Đường dây và Trạm biến áp 110kV Sông Công 5	Phường Tích Lương, TPTN	0,04					0,04
		Xã Thịnh Đức, TPTN	0,08	0,04				0,04
6	Khuôn viên cây xanh dọc đường Bắc Sơn kéo dài, xã Phúc Xuân, thành phố Thái Nguyên	Xã Phúc Xuân, TPTN	2,27	0,43	0,60			1,24
II	HUYỆN PHÚ BÌNH		68,93	32,19	8,01			28,73
1	Khu đô thị số 11 thị trấn Hương Sơn	Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình	3,18	3,00				0,18
		Xã Kha Sơn, huyện Phú Bình	1,11	0,68				0,43
2	Khu dân cư Miền An Châu, xã Nga My, huyện Phú Bình	Xã Nga My, huyện Phú Bình	5,40	3,76				1,64
3	Khu dân cư và tái định cư Nga My	Xã Nga My, huyện Phú Bình	10,00	4,35				5,65
4	Khu dân cư xóm Diễn, xã Tân Đức, huyện Phú Bình	Xã Tân Đức, huyện Phú Bình	9,85	6,10				3,75

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
5	Đường nối đường Vành đai 5 với Quốc lộ 37 và đi hồ Kim Đinh (đoạn từ Đường Vành đai 5 với Quốc lộ 37)	Xã Xuân Phương, huyện Phú Bình	13,00	7,31				5,69
6	Tuyến đường ĐH48 (đoạn kết nối từ ĐT269B - ĐT266B)	Xã Tân Hòa, huyện Phú Bình	2,67	0,99	0,90			0,78
		Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình	2,03	0,45	0,89			0,69
		Xã Tân Kim, huyện Phú Bình	3,78	0,55	1,32			1,91
7	Tuyến đường ĐH48 (đoạn kết nối từ ĐT266B - ĐT269C)	Xã Tân Kim, huyện Phú Bình	2,56	1,29				1,27
		Xã Bảo Lý, huyện Phú Bình	6,05	0,97	2,50			2,58
8	Tổ hợp văn hóa, thể thao cây xanh Đình Cả, thị trấn Hương Sơn	Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình	3,04	0,60	2,29			0,15
		Xã Xuân Phương, huyện Phú Bình	0,17	0,10				0,07
		Xã Kha Sơn, huyện Phú Bình	1,79	1,61				0,18
9	Mở rộng Nghĩa trang nhân dân Đình Sơn	Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình	2,76	0,43	0,11			2,22
		Xã Kha Sơn, huyện Phú Bình	1,54					1,54

Phụ lục II

Danh mục 15 công trình, dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
	TỔNG CỘNG		91,44	44,95	8,61			37,89
I	THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN		22,51	12,76	0,60			9,16
1	Khu tái định cư số 1, phường Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên	Phường Túc Duyên, TPTN	8,27	5,39				2,88
2	Khu tái định cư tổ 7, phường Quang Vinh, thành phố Thái Nguyên	Phường Quang Vinh, TPTN	4,72	1,41				3,31
3	Xây dựng nhà ở xã hội - Ngôi nhà xanh (green house)	Phường Tích Lương, TPTN	0,08	0,07				0,01
4	Khu tái định cư số 2, xã Cao Ngạn, thành phố Thái Nguyên	Xã Cao Ngạn, TPTN	7,06	5,42				1,64
5	Đường dây và Trạm biến áp 110kV Sông Công 5	Phường Tích Lương, TPTN	0,04					0,04
		Xã Thịnh Đức, TPTN	0,08	0,04				0,04
6	Khuôn viên cây xanh dọc đường Bắc Sơn kéo dài, xã Phúc Xuân, thành phố Thái Nguyên	Xã Phúc Xuân, TPTN	2,27	0,43	0,60			1,24
II	HUYỆN PHÚ BÌNH		68,93	32,19	8,01			28,73
1	Khu đô thị số 11 thị trấn Hương Sơn	Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình	3,18	3,00				0,18
		Xã Kha Sơn, huyện Phú Bình	1,11	0,68				0,43
2	Khu dân cư Miền An Châu, xã Nga My, huyện Phú Bình	Xã Nga My, huyện Phú Bình	5,40	3,76				1,64

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
3	Khu dân cư và tái định cư Nga My	Xã Nga My, huyện Phú Bình	10,00	4,35				5,65
4	Khu dân cư xóm Diễn, xã Tân Đức, huyện Phú Bình	Xã Tân Đức, huyện Phú Bình	9,85	6,10				3,75
5	Đường nối đường Vành đai 5 với Quốc lộ 37 và đi hồ Kim Đình (đoạn từ Đường Vành đai 5 với Quốc lộ 37)	Xã Xuân Phương, huyện Phú Bình	13,00	7,31				5,69
6	Tuyến đường ĐH48 (đoạn kết nối từ ĐT269B - ĐT266B)	Xã Tân Hòa, huyện Phú Bình	2,67	0,99	0,90			0,78
		Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình	2,03	0,45	0,89			0,69
		Xã Tân Kim, huyện Phú Bình	3,78	0,55	1,32			1,91
7	Tuyến đường ĐH48 (đoạn kết nối từ ĐT266B - ĐT269C)	Xã Tân Kim, huyện Phú Bình	2,56	1,29				1,27
		Xã Bảo Lý, huyện Phú Bình	6,05	0,97	2,50			2,58
8	Tổ hợp văn hóa, thể thao cây xanh Đình Cả, thị trấn Hương Sơn	Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình	3,04	0,60	2,29			0,15
		Xã Xuân Phương, huyện Phú Bình	0,17	0,10				0,07
		Xã Kha Sơn, huyện Phú Bình	1,79	1,61				0,18
9	Mở rộng Nghĩa trang nhân dân Đình Sơn	Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình	2,76	0,43	0,11			2,22
		Xã Kha Sơn, huyện Phú Bình	1,54					1,54

Phụ lục III

Điều chỉnh tên, diện tích đối với 02 công trình, dự án trên địa bàn thành phố Phổ Yên

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Nghị quyết của HĐND tỉnh Thái Nguyên đã phê duyệt								Nay điều chỉnh lại như sau								Nguyên nhân, lý do điều chỉnh
STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Sử dụng từ nhóm đất (ha)				STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Sử dụng từ nhóm đất (ha)				
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác					Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác	
A	Nghị quyết 146/NQ-HĐND ngày 12/8/2021 của HĐND tỉnh Thái Nguyên															
1	Cụm công nghiệp Tân Phú 1	Phường Tân Phú, thành phố Phổ Yên	38,69	37,84			0,85	1	Cụm công nghiệp Tân Phú 1	Phường Tân Phú, thành phố Phổ Yên	41,26	40,39			0,87	Điều chỉnh diện tích của dự án giữa 2 phường Tân Phú và Đông Cao; điều chỉnh tăng diện tích đất trồng lúa từ 67,11 ha thành 68,37 ha do trước đây UBND thành phố Phổ Yên tổng hợp theo số liệu bản đồ cũ, nay đã tổng hợp theo đúng hiện trạng và số liệu đo đạc, chỉnh lý bản đồ Giải phóng mặt bằng mới. Quy mô, ranh giới của dự án không thay đổi
		Phường Đông Cao, thành phố Phổ Yên	35,81	29,27		6,54	Phường Đông Cao, thành phố Phổ Yên			33,24	27,98		5,26			
		TỔNG	74,50	67,11		7,39	TỔNG			74,50	68,37		6,13			
B	Nghị quyết 79/NQ-HĐND ngày 31/8/2023; Nghị quyết 107/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 của HĐND tỉnh Thái Nguyên															
1	Công viên cây xanh chuyên đề thành phố Phổ Yên (Giai đoạn I: Hạng mục san nền)	Phường Nam Tiến, thành phố Phổ Yên	4,25	3,34			0,91	1	Công viên cây xanh chuyên đề thành phố Phổ Yên	Phường Nam Tiến, thành phố Phổ Yên	4,25	3,34			0,91	Điều chỉnh tên dự án để đảm bảo tiến độ thực hiện dự án; UBND thành phố Phổ Yên đã phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư theo Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 11/02/2025

Số: /NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Về việc thông qua danh mục và điều chỉnh danh mục các dự án thu hồi đất,
các dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng sản xuất,
đất rừng phòng hộ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN
KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ HAI MƯƠI BẢY (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 65/2025/QH15 ngày 19 tháng 2 năm 2025;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15; Luật Nhà ở số 27/2023/QH 15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 05 năm 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 227/QĐ-TTg ngày 12 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh một số chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2025 được Thủ tướng Chính phủ phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 222/QĐ-TTg ngày 14 tháng 3 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc thông qua Nghị quyết danh mục và điều chỉnh danh mục các dự án thu hồi đất, các dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua danh mục các dự án thu hồi đất, các dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, cụ thể như sau:

- 15 công trình, dự án thu hồi đất (*chi tiết tại Phụ lục I kèm theo*).
- 15 công trình, dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng sản xuất (*chi tiết tại Phụ lục II kèm theo*).

Điều 2. Thông qua điều chỉnh tên, diện tích đối với 02 công trình, dự án trên địa bàn thành phố Phổ Yên (*chi tiết tại Phụ lục III kèm theo*).

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ; căn cứ pháp lý của các dự án và tổ chức thực hiện Nghị quyết đảm bảo đúng chỉ tiêu sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai năm 2024, Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thời kỳ 2021 - 2030 và các văn bản pháp luật có liên quan.

Chỉ thực hiện việc thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất khi đã đảm bảo đầy đủ thủ tục, quy trình và đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình thực hiện, Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục rà soát quy mô, diện tích của từng dự án, đánh giá tiến độ triển khai, sắp xếp thứ tự ưu tiên thực hiện theo tính cấp thiết của từng dự án, đảm bảo mục tiêu sử dụng đất hiệu quả, tiết kiệm. Sau thu hồi, yêu cầu chủ đầu tư sớm đưa vào sử dụng đất có hiệu quả. Kiên quyết xử lý các dự án chậm triển khai, vi phạm Luật Đất đai theo quy định.

Tiếp tục cải cách hành chính, nhất là cải cách các thủ tục hành chính trong lĩnh vực đầu tư, xây dựng và đất đai. Tuân thủ đúng quy trình, quy định pháp lý trong tổ chức thực hiện thu hồi đất.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ hai mươi bảy (Kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày tháng 3 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (*Báo cáo*);
- Chính phủ (*Báo cáo*);
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (*Báo cáo*);
- Thường trực Tỉnh ủy (*Báo cáo*);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh Khóa XIV;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh;
- Kiểm toán nhà nước Khu vực X;

CHỦ TỊCH

Phạm Hoàng Sơn

- Văn phòng: Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- TT HĐND và UBND các huyện, thành phố;
- Báo Thái Nguyên, Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

UBND TỈNH THÁI NGUYÊN
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **238** /SNNMT-QLĐĐ

Thái Nguyên, ngày **13** tháng 3 năm 2025

V/v đề nghị không đăng ký bổ sung danh mục các dự án thu hồi đất, các dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng sản xuất trên địa bàn thành phố Thái Nguyên


Kính gửi: UBND tỉnh Thái Nguyên

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 1034/UBND-TH ngày 20/02/2025 về rà soát các nội dung trình tại Kỳ họp thứ hai mươi sáu và Văn bản số 1076/UBND-TH ngày 31/2/2025 về việc chuẩn bị nội dung Phiên họp thứ 41 - UBND tỉnh, nhiệm kỳ 2021-2026; trên cơ sở đề nghị của UBND thành phố tại Tờ trình số 67/TTr-UBND ngày 6/2/2025, Sở Nông nghiệp và Môi trường trình UBND tỉnh tại Tờ trình số 15/TTr-SNNMT ngày 06/3/2025 về việc đề nghị UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét thông qua danh mục và điều chỉnh danh mục các dự án thu hồi đất, các dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên (trong đó có 03 công trình, dự án: Trụ sở Công an xã Cao Ngạn, Trụ sở Công an xã Linh Sơn và Trụ sở Công an xã Huống Thượng).

Thực hiện Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, trên cơ sở ý kiến tại Hội nghị phiên họp UBND tỉnh ngày 11/3/2025, UBND thành phố Thái Nguyên đã có văn bản số 1100/UBND-NNMT ngày 12/3/2025 đề nghị không trình bổ sung danh mục dự án thu hồi đất, dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng sản xuất đối với 03 dự án: Trụ sở Công an xã Cao Ngạn, Trụ sở Công an xã Linh Sơn và Trụ sở Công an xã Huống Thượng.

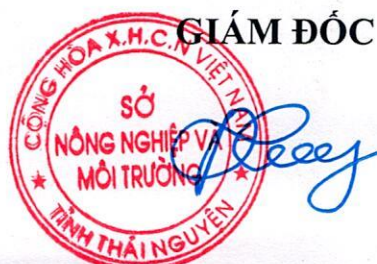
Do đó, Sở Nông nghiệp và Môi trường đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh không trình Hội đồng nhân dân tỉnh đối với 03 dự án: Trụ sở Công an xã Cao Ngạn, Trụ sở Công an xã Linh Sơn và Trụ sở Công an xã Huống Thượng tại Kỳ họp thứ Hai mươi bảy (Kỳ họp chuyên đề).

(Có dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị quyết kèm theo).

Sở Nông nghiệp và Môi trường kính mong UBND tỉnh quan tâm giải quyết. 

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, QLĐĐ.



Đặng Văn Huy

Số: **15** /TTr-SNNMT

Thái Nguyên, ngày **06** tháng 3 năm 2025

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua danh mục và điều chỉnh danh mục các dự án thu hồi đất, các dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 1034/UBND-TH ngày 20/02/2025 về rà soát các nội dung trình tại Kỳ họp thứ hai mươi sáu (kỳ họp chuyên đề), HĐND tỉnh khoá XIV (*dự kiến họp trong tháng 3/2025*) và Văn bản số 1076/UBND-TH ngày 31/2/2025 về việc chuẩn bị nội dung Phiên họp thứ 41 - UBND tỉnh, nhiệm kỳ 2021-2026; trên cơ sở đề nghị của các huyện, thành phố, Sở Nông nghiệp và Môi trường trình UBND tỉnh về danh mục và điều chỉnh danh mục các dự án thu hồi đất, các dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh để trình HĐND tỉnh xem xét thông qua, với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Sự cần thiết

Theo quy định tại Khoản 5, Điều 72 Luật Đất đai năm 2024, UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất; dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất mà có diện tích đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất theo quy hoạch.

Theo quy định tại Điều 50, Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai thì phải tổng hợp danh mục các dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất mà có diện tích đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất trình HĐND tỉnh thông qua trước khi phê duyệt kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện.

Để đáp ứng kịp thời nhu cầu sử dụng đất cho các công trình, dự án, nhằm phục vụ phát triển kinh tế xã hội của tỉnh; theo đề nghị của UBND các huyện, thành phố, Sở Nông nghiệp và Môi trường trình UBND tỉnh để trình HĐND tỉnh thảo luận, xem xét thông qua danh mục và điều chỉnh danh mục các dự án thu hồi đất, các dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

2. Nội dung

Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét thông qua danh mục và điều chỉnh danh mục các dự án thu hồi đất, các dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, bao gồm:

a) Thông qua danh mục các dự án thu hồi đất, các dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, cụ thể như sau:

- 18 công trình, dự án thu hồi đất (*chi tiết tại Phụ lục I kèm theo*).
- 17 công trình, dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng sản xuất (*chi tiết tại Phụ lục II kèm theo*).

b) Thông qua điều chỉnh tên, diện tích đối với 02 công trình, dự án trên địa bàn thành phố Phổ Yên (*chi tiết tại Phụ lục III kèm theo*).

Các công trình, dự án trên phù hợp với chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022, phù hợp với Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 222/QĐ-TTg ngày 14/3/2023, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thời kỳ 2021-2030 đã được UBND tỉnh phê duyệt và phù hợp với quy hoạch của các ngành, lĩnh vực có liên quan.

Sau khi được Hội đồng nhân dân tỉnh Nghị quyết thông qua, Sở Nông nghiệp và Môi trường sẽ tổng hợp trình UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2025 để làm cơ sở thực hiện (*có dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị quyết kèm theo*).

Nội dung tham mưu trên của Sở Nông nghiệp và Môi trường đã đầy đủ cơ sở pháp lý theo đúng quy định của pháp luật; đảm bảo đúng trình tự, thủ tục, đúng thẩm quyền và đủ điều kiện để ban hành theo quy định của pháp luật và quy chế làm việc. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật về nội dung tham mưu.

Kính mong UBND tỉnh quan tâm giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, QLĐĐ.



GIÁM ĐỐC

Đặng Văn Huy

Phụ lục I

Danh mục 18 công trình, dự án thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

(Kèm theo Tờ trình số **15** /TTr-SNNMT ngày **06** tháng **3** năm 2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
	TỔNG CỘNG		92,09	45,02	8,81			38,26
I	THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN		23,16	12,83	0,80			9,53
1	Khu tái định cư số 1, phường Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên	Phường Túc Duyên, TPTN	8,27	5,39				2,88
2	Khu tái định cư tổ 7, phường Quang Vinh, thành phố Thái Nguyên	Phường Quang Vinh, TPTN	4,72	1,41				3,31
3	Xây dựng nhà ở xã hội - Ngôi nhà xanh (green house)	Phường Tích Lương, TPTN	0,08	0,07				0,01
4	Khu tái định cư số 2, xã Cao Ngạn, thành phố Thái Nguyên	Xã Cao Ngạn, TPTN	7,06	5,42				1,64
5	Trụ sở Công an xã Cao Ngạn	Xã Cao Ngạn, TPTN	0,30					0,30
6	Trụ sở Công an xã Linh Sơn	Xã Linh Sơn, TPTN	0,20		0,20			
7	Trụ sở Công an xã Huống Thượng	Xã Huống Thượng, TPTN	0,14	0,07				0,07
8	Đường dây và Trạm biến áp 110kV Sông Công 5	Phường Tích Lương, TPTN	0,04					0,04
		Xã Thịnh Đức, TPTN	0,08	0,04				0,04
9	Khuôn viên cây xanh dọc đường Bắc Sơn kéo dài, xã Phúc Xuân, thành phố Thái Nguyên	Xã Phúc Xuân, TPTN	2,27	0,43	0,60			1,24
II	HUYỆN PHÚ BÌNH		68,93	32,19	8,01			28,73
1	Khu đô thị số 11 thị trấn Hương Sơn	Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình	3,18	3,00				0,18
		Xã Kha Sơn, huyện Phú Bình	1,11	0,68				0,43
2	Khu dân cư Miền An Châu, xã Nga My, huyện Phú Bình	Xã Nga My, huyện Phú Bình	5,40	3,76				1,64
3	Khu dân cư và tái định cư Nga My	Xã Nga My, huyện Phú Bình	10,00	4,35				5,65

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (Xã, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
4	Khu dân cư xóm Diễn, xã Tân Đức, huyện Phú Bình	Xã Tân Đức, huyện Phú Bình	9,85	6,10				3,75
5	Đường nối đường Vành đai 5 với Quốc lộ 37 và đi hồ Kim Đĩnh (đoạn từ Đường Vành đai 5 với Quốc lộ 37)	Xã Xuân Phương, huyện Phú Bình	13,00	7,31				5,69
6	Tuyến đường ĐH48 (đoạn kết nối từ ĐT269B - ĐT266B)	Xã Tân Hòa, huyện Phú Bình	2,67	0,99	0,90			0,78
		Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình	2,03	0,45	0,89			0,69
		Xã Tân Kim, huyện Phú Bình	3,78	0,55	1,32			1,91
7	Tuyến đường ĐH48 (đoạn kết nối từ ĐT266B - ĐT269C)	Xã Tân Kim, huyện Phú Bình	2,56	1,29				1,27
		Xã Bảo Lý, huyện Phú Bình	6,05	0,97	2,50			2,58
8	Tổ hợp văn hóa, thể thao cây xanh Đình Cả, thị trấn Hương Sơn	Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình	3,04	0,60	2,29			0,15
		Xã Xuân Phương, huyện	0,17	0,10				0,07
		Xã Kha Sơn, huyện Phú Bình	1,79	1,61				0,18
9	Mở rộng Nghĩa trang nhân dân Đình Sơn	Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình	2,76	0,43	0,11			2,22
		Xã Kha Sơn, huyện Phú Bình	1,54					1,54

Phụ lục II

Danh mục 17 công trình, dự án có chuyên mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

(Kèm theo Tờ trình số **15** /TTr-SNNMT ngày **06** tháng **3** năm 2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
	TỔNG CỘNG		91,79	45,02	8,81			37,96
I	THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN		22,86	12,83	0,80			9,23
1	Khu tái định cư số 1, phường Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên	Phường Túc Duyên, TPTN	8,27	5,39				2,88
2	Khu tái định cư tổ 7, phường Quang Vinh, thành phố Thái Nguyên	Phường Quang Vinh, TPTN	4,72	1,41				3,31
3	Xây dựng nhà ở xã hội - Ngôi nhà xanh (green house)	Phường Tích Lương, TPTN	0,08	0,07				0,01
4	Khu tái định cư số 2, xã Cao Ngạn, thành phố Thái Nguyên	Xã Cao Ngạn, TPTN	7,06	5,42				1,64
5	Trụ sở Công an xã Linh Sơn	Xã Linh Sơn, TPTN	0,20		0,20			
6	Trụ sở Công an xã Huống Thượng	Xã Huống Thượng, TPTN	0,14	0,07				0,07
7	Đường dây và Trạm biến áp 110kV Sông Công 5	Phường Tích Lương, TPTN	0,04					0,04
		Xã Thịnh Đức, TPTN	0,08	0,04				0,04
8	Khuôn viên cây xanh dọc đường Bắc Sơn kéo dài, xã Phúc Xuân, thành phố Thái Nguyên	Xã Phúc Xuân, TPTN	2,27	0,43	0,60			1,24
II	HUYỆN PHÚ BÌNH		68,93	32,19	8,01			28,73
1	Khu đô thị số 11 thị trấn Hương Sơn	Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình	3,18	3,00				0,18
		Xã Kha Sơn, huyện Phú Bình	1,11	0,68				0,43
2	Khu dân cư Miền An Châu, xã Nga My, huyện Phú Bình	Xã Nga My, huyện Phú Bình	5,40	3,76				1,64

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (Xã, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
3	Khu dân cư và tái định cư Nga My	Xã Nga My, huyện Phú Bình	10,00	4,35				5,65
4	Khu dân cư xóm Diễn, xã Tân Đức, huyện Phú Bình	Xã Tân Đức, huyện Phú Bình	9,85	6,10				3,75
5	Đường nối đường Vành đai 5 với Quốc lộ 37 và đi hồ Kim Đinh (đoạn từ Đường Vành đai 5 với Quốc lộ 37)	Xã Xuân Phương, huyện Phú Bình	13,00	7,31				5,69
6	Tuyến đường ĐH48 (đoạn kết nối từ ĐT269B - ĐT266B)	Xã Tân Hòa, huyện Phú Bình	2,67	0,99	0,90			0,78
		Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình	2,03	0,45	0,89			0,69
		Xã Tân Kim, huyện Phú Bình	3,78	0,55	1,32			1,91
7	Tuyến đường ĐH48 (đoạn kết nối từ ĐT266B - ĐT269C)	Xã Tân Kim, huyện Phú Bình	2,56	1,29				1,27
		Xã Bảo Lý, huyện Phú Bình	6,05	0,97	2,50			2,58
8	Tổ hợp văn hóa, thể thao cây xanh Đình Cả, thị trấn Hương Sơn	Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình	3,04	0,60	2,29			0,15
		Xã Xuân Phương, huyện Phú Bình	0,17	0,10				0,07
		Xã Kha Sơn, huyện Phú Bình	1,79	1,61				0,18
9	Mở rộng Nghĩa trang nhân dân Đình Sơn	Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình	2,76	0,43	0,11			2,22
		Xã Kha Sơn, huyện Phú Bình	1,54					1,54



Phụ lục III

Điều chỉnh tên, diện tích đối với 02 công trình, dự án trên địa bàn thành phố Phổ Yên

(Kèm theo Tờ trình số 15/TT-SNNMT ngày 06 tháng 3 năm 2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

Nghị quyết của HĐND tỉnh Thái Nguyên và Quyết định của UBND tỉnh Thái Nguyên đã phê duyệt								Nay điều chỉnh lại như sau								Nguyên nhân, lý do điều chỉnh
STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Sử dụng từ nhóm đất (ha)				STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Sử dụng từ nhóm đất (ha)				
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác					Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác	
A	Nghị quyết 146/NQ-HĐND ngày 12/8/2021 của HĐND tỉnh Thái Nguyên															
1	Cụm công nghiệp Tân Phú 1	Phường Tân Phú, thành phố Phổ Yên	38,69	37,84			0,85	1	Cụm công nghiệp Tân Phú 1	Phường Tân Phú, thành phố Phổ Yên	41,26	40,39			0,87	Điều chỉnh diện tích của dự án giữa 2 phường Tân Phú và Đông Cao; điều chỉnh tăng diện tích đất trồng lúa từ 67,11 ha thành 68,37 ha do trước đây UBND thành phố Phổ Yên tổng hợp theo số liệu bản đồ cũ, nay đã tổng hợp theo đúng hiện trạng và số liệu đo đạc, chỉnh lý bản đồ Giải phóng mặt bằng mới. Quy mô, ranh giới của dự án không thay đổi
		Phường Đông Cao, thành phố Phổ Yên	35,81	29,27			6,54			Phường Đông Cao, thành phố Phổ Yên	33,24	27,98			5,26	
		TỔNG	74,50	67,11			7,39			TỔNG	74,50	68,37			6,13	
B	Nghị quyết 79/NQ-HĐND ngày 31/8/2023; Nghị quyết 107/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 của HĐND tỉnh Thái Nguyên															
1	Công viên cây xanh chuyên đề thành phố Phổ Yên (Giai đoạn 1: Hạng mục san nền)	Phường Nam Tiến, thành phố Phổ Yên	4,25	3,34			0,91	1	Công viên cây xanh chuyên đề thành phố Phổ Yên	Phường Nam Tiến, thành phố Phổ Yên	4,25	3,34			0,91	Điều chỉnh tên dự án để đảm bảo tiến độ thực hiện dự án; UBND thành phố Phổ Yên đã phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư theo Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 11/02/2025

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 20/TTr-UBND

Phú Bình, ngày 06 tháng 02 năm 2025

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị phê duyệt chuyển tiếp, bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2025 và chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng sản xuất đối với các công trình, dự án trên địa bàn huyện Phú Bình

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tài nguyên và Môi trường.

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29/6/2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Để đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện các dự án trọng điểm và các công trình, dự án phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, UBND huyện Phú Bình đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt chuyển tiếp, bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2025 đối với các công trình, dự án trên địa bàn huyện Phú Bình, với các nội dung cụ thể như sau:

1. Đăng ký bổ sung chuyển tiếp kế hoạch sử dụng đất năm 2025 đối với các công trình, dự án.


(Có phụ lục I, II chi tiết kèm theo)


2. Đăng ký bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2025 đối với các công trình, dự án.

(Có phụ lục III, IV, V chi tiết kèm theo)

Hồ sơ trình phê duyệt kèm theo Tờ trình gồm:

- Báo cáo thuyết minh tổng hợp;
- Biểu mẫu kèm theo;
- Bản đồ bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Phú Bình;
- Hồ sơ pháp lý theo quy định.

Ủy ban nhân dân huyện Phú Bình kính trình UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét phê duyệt theo quy định. / 

Nơi nhận: 

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCTUBND huyện;
- Lưu: VT, TNMT. 

CHỦ TỊCH



Lê Thanh Sơn



DANH MỤC CHI TIẾT CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN BỔ SUNG CHUYỂN TIẾP SANG THỰC HIỆN NĂM 2025 CỦA HUYỆN

(Kèm theo Tờ trình số: 20/TTr-UBND ngày 06 tháng 02 năm 2025 của UBND huyện Phú Bình)

Số TT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)												
				Đất nông nghiệp	Trong đó:						Đất phi nông nghiệp	Trong đó:			Nhóm đất chưa sử dụng	
					Đất trồng cây hàng năm khác	Đất trồng lúa còn lại	Đất chuyên trồng lúa	Đất trồng cây lâu năm	Đất rừng sản xuất	Đất nuôi trồng thủy sản		Đất ở đô thị	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	Trong đó:		
														Đất công trình giao thông		Đất công trình thủy lợi
Tổng cộng			22,35	21,15	1,66	1,10	16,14	2,03	0,12	0,10	1,20	0,18	1,02	0,90	0,12	0,00
1	Khu tái định cư Hương Sơn	Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình	11,46	10,38	0,90		7,68	1,7		0,10	1,08	0,18	0,90	0,90		
2	Trạm biến áp 220KV Phú Bình 2	Xã Diêm Thụy, huyện Phú Bình	3,22	3,16	0,05	0,05	3,00	0,06			0,06		0,06		0,06	
		Xã Úc Kỳ, huyện Phú Bình	2,11	2,05	0,20	0,01	1,45	0,27	0,12		0,06		0,06		0,06	
3	Đường dây 220KV Phú Bình 2	Xã Úc Kỳ, huyện Phú Bình	1,07	1,07	0,07	0,13	0,87				0,00		0,00			
		Xã Nhã Lộng, huyện Phú Bình	1,50	1,50	0,12	0,26	1,12				0,00		0,00			
		Xã Bảo Lý, huyện Phú Bình	1,60	1,60	0,18	0,28	1,14				0,00		0,00			
		Xã Tân Kim, huyện Phú Bình	1,39	1,39	0,14	0,37	0,88				0,00		0,00			

Phụ lục II

Bổ sung chuyển tiếp 04 công trình, dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng sản xuất đã được HĐND tỉnh thông qua năm 2022 trên địa bàn huyện Phú Bình (đối với các CTDA đã được HĐND tỉnh thông qua chuyển mục đích đất lúa, đất rừng tại các NQ số: 35 mà tính đến nay đã quá 03 năm chưa có quyết định thu hồi đất hoặc chưa được phép chuyển mục đích sử dụng đất)

DANH MỤC CHI TIẾT CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN BỔ SUNG CHUYỂN TIẾP SANG THỰC HIỆN NĂM 2025 CỦA HUYỆN PHÚ BÌNH

(Kèm theo Tờ trình số: 20/TTr-UBND ngày 06 tháng 02 năm 2025 của UBND huyện Phú Bình)

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
	HUYỆN PHÚ BÌNH		11,46	7,68	-	-	-	3,78
1	Khu tái định cư Hương Sơn	Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình	11,46	7,68				3,78

Phụ lục III

NG KÝ BỔ SUNG KẾ HOẠCH

BND ngày 06 tháng 02 năm 2017

Sử dụng từ loại đất (ha)		Trong đó:
Đất		Đất

Số TT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)																	Dự án thực hiện bằng vốn ngân sách Nhà nước (số kinh phí được ghi vốn năm 2025, đơn vị tính: triệu đồng)	Hồ sơ pháp lý của công trình, dự án - Đối với các dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước: Ghi rõ văn bản của cấp có thẩm quyền thể hiện dự án đã được ghi vốn thực hiện trong năm kế hoạch; QĐ phê duyệt DA; QHCT 1/500; trích lục bản đồ địa chính - Đối với các dự án không sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước: Ghi rõ văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư; QHCT 1/500; GPKT khoáng sản hoặc QĐ phê duyệt trữ lượng; trích lục bản đồ địa chính - Đối với chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân có sử dụng từ đất trồng lúa, đất rừng: Đơn xin chuyển mục đích sử dụng đất, GCNQSD đất, trích	Sự phù hợp với điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thời kỳ 2021-2030 (khẳng định phù hợp hay không phù hợp)	Sự phù hợp với chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất 5 năm 2021-2025 (khẳng định phù hợp hay không phù hợp)	Tình trạng sử dụng đất (ghi rõ: chưa thực hiện hoặc đã san lấp mặt bằng hoặc đã xây dựng công trình; đã xử phạt và nộp tiền phạt chưa)		
				Đất nông nghiệp	Đất trồng cây hằng năm khác	Đất trồng lúa còn lại	Đất chuyển trồng lúa	Đất trồng cây lâu năm	Đất rừng sản xuất	Đất nuôi trồng thủy sản	Đất phi nông nghiệp	Đất ở nông thôn	Trong đó:			Trong đó:			Đất có mặt nước chuyên dùng								
													Đất xây dựng công trình sự nghiệp	Đất xây dựng cơ sở văn hoá	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	Đất công trình giao thông	Đất công trình thủy lợi		Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng, lưu trữ tro cốt							
	Tổng cộng		38,26	32,94	6,55	4,80	13,36	5,57	2,40	0,26	5,32	1,53	0,03	0,02	0,01	2,17	1,82	0,35	1,45	0,14							
1	Khu dân cư Miền An Châu, xã Nga My	Xã Nga My, huyện Phú Bình	5,40	4,77	0,88	0,99	2,77	0,13			0,63	0,38	0,01		0,01	0,16	0,15	0,01	0,08					- Quyết định số 9916/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND huyện Phú Bình về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết Khu dân cư miền An Châu, xã Nga My, huyện Phú Bình	Phù hợp	Phù hợp	Chưa thực hiện
2	Khu dân cư và tái định cư Nga My	Xã Nga My, huyện Phú Bình	10,00	9,11	2,00	2,87	1,48	2,76			0,89	0,42	0,00			0,47	0,42	0,05			160.000			- Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 16/12/2024 của HĐND huyện Phú Bình về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng các dự án thuộc nguồn vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 huyện Phú Bình	Phù hợp	Phù hợp	Chưa thực hiện
3	Đường nối đường Vành đai 5 với Quốc lộ 37 và đi hồ Kim Đinh (Đoạn từ Đường vành đai 5 với Quốc lộ 37)	Xã Xuân Phương, huyện Phú Bình	13,00	10,96	1,52	0,94	6,37	1,87		0,26	2,04	0,70	0,02	0,02		1,32	1,07	0,25			290.000			- Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 16/12/2024 của HĐND huyện Phú Bình về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng các dự án thuộc nguồn vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 huyện Phú Bình	Phù hợp	Phù hợp	Chưa thực hiện
4	Khu di tích Đình đền Chúa Cầu Muối (Cải tạo, mở rộng Sân lễ hội Đình Đền Chúa Cầu Muối)	Xã Tân Thành, huyện Phú Bình	0,56	0,42	0,42						0,14		0,00			0,00			0,14					- Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 21/8/2024 của HĐND huyện Phú Bình về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng các dự án thuộc nguồn vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 huyện Phú Bình	Phù hợp	Phù hợp	Chưa thực hiện
5	Tổ hợp văn hóa, thể thao cây xanh Đình Cả, thị trấn Hương Sơn	Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình	3,04	2,95			0,60	0,06	2,29		0,09		0,00			0,09	0,07	0,02			32.000			- Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 16/12/2024 của HĐND huyện Phú Bình về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng các dự án thuộc nguồn vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 huyện Phú Bình	Phù hợp	Phù hợp	Chưa thực hiện
		Xã Xuân Phương, huyện Phú Bình	0,17	0,10			0,10		0,07		0,00		0,07	0,07													
		Xã Kha Sơn, huyện Phú Bình	1,79	1,75			1,61	0,14		0,04	0,03	0,00			0,01	0,01											
6	Mở rộng Nghĩa trang nhân dân Đình Sơn	Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình	2,76	1,35	0,71		0,43	0,1	0,11		1,41		0,00			0,04	0,03	0,01	1,37		20.000			- Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 16/12/2024 của HĐND huyện Phú Bình về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng các dự án thuộc nguồn vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 huyện Phú Bình	Phù hợp	Phù hợp	Chưa thực hiện
		Xã Kha Sơn, huyện Phú Bình	1,54	1,53	1,02			0,51			0,01		0,00			0,01		0,01									

Phụ lục IV

Danh mục 06 dự án thu hồi đất bổ sung trên địa bàn huyện Phú Bình

(Kèm theo Tờ trình số: 20/TTr-UBND ngày 06 tháng 02 năm 2025 của UBND huyện Phú Bình)

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
I	HUYỆN PHÚ BÌNH		38,26	18,16	2,40	0,00	0,00	17,70
1	Khu dân cư Miền An Châu, xã Nga My	Xã Nga My, huyện Phú Bình	5,40	3,76				1,64
2	Khu dân cư và tái định cư Nga My	Xã Nga My, huyện Phú Bình	10,00	4,35				5,65
3	Đường nối đường Vành đai 5 với Quốc lộ 37 và đi hồ Kim Đình (Đoạn từ Đường Vành đai 5 với Quốc lộ 37)	Xã Xuân Phương, huyện Phú Bình	13,00	7,31				5,69
4	Khu di tích Đình đền Chùa Cầu Muối (Cải tạo, mở rộng Sân lễ hội Đình Đền Chùa Cầu Muối)	Xã Tân Thành, huyện Phú Bình	0,56					0,56
5	Tổ hợp văn hóa, thể thao cây xanh Đình Cả, thị trấn Hương Sơn	Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình	3,04	0,60	2,29			0,15
		Xã Xuân Phương, huyện Phú Bình	0,17	0,10				0,07
		Xã Kha Sơn, huyện Phú Bình	1,79	1,61				0,18
6	Mở rộng Nghĩa trang nhân dân Đình Sơn	Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình	2,76	0,43	0,11			2,22
		Xã Kha Sơn, huyện Phú Bình	1,54					1,54

Phụ lục V

Danh mục 06 dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng sản xuất, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trên địa bàn huyện Phú Bình

(Kèm theo Tờ trình số: 20/TTr-UBND ngày 06 tháng 02 năm 2025 của UBND huyện Phú Bình)

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
I	HUYỆN PHÚ BÌNH		38,26	18,16	2,40	0,00	0,00	17,70
1	Khu dân cư Miền An Châu, xã Nga My	Xã Nga My, huyện Phú Bình	5,40	3,76				1,64
2	Khu dân cư và tái định cư Nga My	Xã Nga My, huyện Phú Bình	10,00	4,35				5,65
3	Đường nối đường Vành đai 5 với Quốc lộ 37 và đi hồ Kim Đinh (Đoạn từ Đường Vành đai 5 với Quốc lộ 37)	Xã Xuân Phương, huyện Phú Bình	13,00	7,31				5,69
4	Khu di tích Đình đền Chùa Cầu Muối (Cải tạo, mở rộng Sân lễ hội Đình Đền Chùa Cầu Muối)	Xã Tân Thành, huyện Phú Bình	0,56					0,56
5	Tổ hợp văn hóa, thể thao cây xanh Đình Cả, thị trấn Hương Sơn	Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình	3,04	0,60	2,29			0,15
		Xã Xuân Phương, huyện Phú Bình	0,17	0,10				0,07
		Xã Kha Sơn, huyện Phú Bình	1,79	1,61				0,18
6	Mở rộng Nghĩa trang nhân dân Đình Sơn	Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình	2,76	0,43	0,11			2,22
		Xã Kha Sơn, huyện Phú Bình	1,54					1,54

TỜ TRÌNH

**Về việc đề nghị phê duyệt bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2025
đối với các công trình, dự án trên địa bàn huyện Phú Bình**

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tài nguyên và Môi trường.

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29/6/2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Để đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện các dự án trọng điểm và các công trình, dự án phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, UBND huyện Phú Bình đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2025 đối với các công trình, dự án trên địa bàn huyện Phú Bình để tổ chức triển khai thực hiện.

(Có phụ lục I, II, III chi tiết kèm theo)

Hồ sơ trình phê duyệt kèm theo Tờ trình gồm:

- Báo cáo thuyết minh tổng hợp;
- Biểu mẫu kèm theo;
- Bản đồ bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Phú Bình;
- Hồ sơ pháp lý theo quy định.

Ủy ban nhân dân huyện Phú Bình kính trình UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét phê duyệt theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCTUBND huyện;
- Lưu: VT, TNMT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Tạ Viết Thuật

DANH MỤC CHI TIẾT CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐĂNG KÝ BỔ SUNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025 CỦA HUYỆN PHÚ BÌNH
(Kèm theo Tờ trình số: /TTr-UBND ngày 21 tháng 02 năm 2025 của UBND huyện Phú Bình)

Số TT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)																Dự án thực hiện bằng vốn ngân sách Nhà nước (số kinh phí được ghi vốn năm 2025, đơn vị tính: triệu đồng)	Hồ sơ pháp lý của công trình, dự án nhà nước: Ghi rõ văn bản của cấp có thẩm quyền thể hiện dự án đã được ghi vốn thực hiện trong năm kế hoạch; QĐ phê duyệt DA; QHCT 1/500; trích lục bản đồ địa chính - Đối với các dự án không sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước: Ghi rõ văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư; QHCT 1/500; GPKT khoáng sản hoặc QĐ phê duyệt trữ lượng; trích lục bản đồ địa chính - Đối với chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân có sử dụng từ đất trồng lúa, đất rừng: Đơn xin chuyển mục đích sử dụng đất, GCNQSD đất, trích	Sự phù hợp với điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thời kỳ 2021-2030 (khẳng định phù hợp hay không phù hợp)	Sự phù hợp với chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất 5 năm 2021-2025 (khẳng định phù hợp hay không phù hợp)	Tình trạng sử dụng đất (ghi rõ: chưa thực hiện hoặc đã san lấp mặt bằng hoặc đã xây dựng công trình; đã xử phạt và nộp tiền phạt chưa)	
				Đất nông nghiệp	Trong đó:					Đất phi nông nghiệp	Đất ở nông thôn	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	Trong đó:			Trong đó:			Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng, lưu trữ tro cốt						Đất có mặt nước chuyên dùng
					Đất trồng cây hằng năm khác	Đất trồng lúa còn lại	Đất chuyên trồng lúa	Đất trồng cây lâu năm	Đất rừng sản xuất				Đất nuôi trồng thủy sản	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	Đất công trình giao thông	Đất công trình thủy lợi								
	Tổng cộng		41,23	36,89	3,93	2,96	15,55	7,00	5,61	1,84	4,34	1,39	0,00	0,00	0,00	2,95	1,96	0,99	0,00	0,00					
1	Khu đô thị số 11 thị trấn Hương Sơn	Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình	3,18	3,01	0,01	0,01	2,99				0,17		0,00			0,17	0,08	0,09				- Quyết định số 291/QĐ-UBND ngày 27/01/2022 của UBND huyện Phú Bình về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết Khu đô thị số 11 thị trấn Hương Sơn	Phù hợp	Phù hợp	Chưa thực hiện
		Xã Kha Sơn, huyện Phú Bình	1,11	0,78	0,05	0,13	0,55	0,05			0,33	0,07	0,00			0,26	0,20	0,06							
2	Khu dân cư và tái định cư xã Thượng Đình	Xã Thượng Đình, huyện Phú Bình	10,00	9,23	2,27	0,85	3,63	2,48			0,77	0,37	0,00			0,40	0,33	0,07				Phù hợp	Phù hợp	Chưa thực hiện	
3	Khu dân cư xóm Diễn, xã Tân Đức, huyện Phú Bình	Xã Tân Đức, huyện Phú Bình	9,85	8,33	0,09	0,83	5,27	1,1		1,04	1,52	0,33	0,00			1,19	0,81	0,38			- Quyết định số 4969/QĐ-UBND ngày 04/11/2022 của UBND huyện Phú Bình về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết Khu dân cư xóm Diễn, xã Tân Đức, huyện Phú Bình	Phù hợp	Phù hợp	Chưa thực hiện	
4	Tuyến đường ĐH48 đoạn kết nối từ ĐT266B - ĐT266B (Đường Bắc Giang - Thái Nguyên)	Xã Tân Hòa, huyện Phú Bình	2,67	2,46			0,99	0,57	0,90		0,21	0,14	0,00			0,07	0,06	0,01				Phù hợp	Phù hợp	Chưa thực hiện	
		Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình	2,03	1,90	0,01	0,45		0,14	0,89	0,41	0,13		0,00			0,13	0,06	0,07							
		Xã Tân Kim, huyện Phú Bình	3,78	3,46	0,73		0,55	0,84	1,32	0,02	0,32	0,02	0,00			0,30	0,16	0,14							
5	Tuyến đường ĐH48 đoạn kết nối từ ĐT266B-ĐT269C (Đường Bắc Giang - Thái Nguyên)	Xã Tân Kim, huyện Phú Bình	2,56	2,25	0,28	0,03	1,26	0,58		0,10	0,31	0,13	0,00			0,18	0,09	0,09				Phù hợp	Phù hợp	Chưa thực hiện	
		Xã Bảo Lý, huyện Phú Bình	6,05	5,47	0,49	0,66	0,31	1,24	2,50	0,27	0,58	0,33	0,00			0,25	0,17	0,08							

Phụ lục II

Danh mục 05 dự án thu hồi đất bổ sung trên địa bàn huyện Phú Bình

(Kèm theo Tờ trình số: /TTr-UBND ngày 21 tháng 02 năm 2025
của UBND huyện Phú Bình)

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
I	HUYỆN PHÚ BÌNH		41,23	18,17	5,61	0,00	0,00	17,45
1	Khu đô thị số 11 thị trấn Hương Sơn	Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình	3,18	3,00				0,18
		Xã Kha Sơn, huyện Phú Bình	1,11	0,34				0,77
2	Khu dân cư và tái định cư xã Thượng Đình	Xã Thượng Đình, huyện Phú Bình	10,00	4,48				5,52
3	Khu dân cư xóm Diễn, xã Tân Đức	Xã Tân Đức, huyện Phú Bình	9,85	6,10				3,75
4	Tuyến đường ĐH48 đoạn kết nối từ ĐT269B - ĐT266B (Đường Bắc Giang - Thái Nguyên)	Xã Tân Hòa, huyện Phú Bình	2,67	0,99	0,90			0,78
		Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình	2,03	0,45	0,89			0,69
		Xã Tân Kim, huyện Phú Bình	3,78	0,55	1,32			1,91
5	Tuyến đường ĐH48 đoạn kết nối từ ĐT266B ĐT269C (Đường Bắc Giang - Thái Nguyên)	Xã Tân Kim, huyện Phú Bình	2,56	1,29				1,27
		Xã Bảo Lý, huyện Phú Bình	6,05	0,97	2,50			2,58

Phụ lục III

Danh mục 05 dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng sản xuất, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trên địa bàn huyện Phú Bình

(Kèm theo Tờ trình số: /TTr-UBND ngày 21 tháng 02 năm 2025 của UBND huyện Phú Bình)

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
I	HUYỆN PHÚ BÌNH		41,23	18,17	5,61	0,00	0,00	17,45
1	Khu đô thị số 11 thị trấn Hương Sơn	Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình	3,18	3,00				0,18
		Xã Kha Sơn, huyện Phú Bình	1,11	0,34				0,77
2	Khu dân cư và tái định cư xã Thượng Đình	Xã Thượng Đình, huyện Phú Bình	10,00	4,48				5,52
2	Khu dân cư xóm Diễn, xã Tân Đức	Xã Tân Đức, huyện Phú Bình	9,85	6,10				3,75
4	Tuyến đường DH48 đoạn kết nối từ ĐT269B - ĐT266B (Đường Bắc Giang - Thái Nguyên)	Xã Tân Hòa, huyện Phú Bình	2,67	0,99	0,90			0,78
		Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình	2,03	0,45	0,89			0,69
		Xã Tân Kim, huyện Phú Bình	3,78	0,55	1,32			1,91
5	Tuyến đường DH48 đoạn kết nối từ ĐT266B-ĐT269C (Đường Bắc Giang - Thái Nguyên)	Xã Tân Kim, huyện Phú Bình	2,56	1,29				1,27
		Xã Bảo Lý, huyện Phú Bình	6,05	0,97	2,50			2,58

Số: 56 /TTr - UBND

Phổ Yên, ngày 14 tháng 02 năm 2025

TỜ TRÌNH
Về việc đề nghị điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất năm 2025
thành phố Phổ Yên

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ - CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ quyết định số 2401/QĐ-UBND ngày 4/10/2023 của UBND tỉnh Thái Nguyên Vv Phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thành phố Phổ Yên thời kỳ 2021-2030;

Căn cứ Thông báo số 1347 ngày 31/12/2024 của UBND thành phố Phổ Yên về việc lấy ý kiến về kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Phổ Yên; Căn cứ biên bản ngày 21/01/2025 của UBND thành phố Phổ Yên về việc kết thúc Thông báo số 1347 ngày 31/12/2024 của UBND thành phố Phổ Yên về việc lấy ý kiến về kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Phổ Yên.

Trong quá trình triển khai thực hiện việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất để thu hút đầu tư trên địa bàn thành phố có một số dự án cần điều chỉnh danh mục, diện tích nhưng đang có nhu cầu cấp thiết cần triển khai thực hiện;

Để có cơ sở thực hiện dự án theo quy định, Ủy ban nhân dân thành phố Phổ Yên đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên phê duyệt điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của thành phố Phổ Yên với nội dung cụ thể như sau:

1. Tổng số công trình, dự án đề nghị điều chỉnh: 01 công trình, dự án: Cụm Công nghiệp Tân Phú 1. Cụ thể

1.1. Tổng diện tích trước đề nghị phê duyệt điều chỉnh: 74,50 ha, trong đó:

+ Diện tích đất trồng lúa là 67,11 ha;

+ Diện tích đất khác là 7,39 ha.

1.2. Nay đề nghị phê duyệt điều chỉnh thành: 74,50 ha, trong đó:

+ Diện tích đất trồng lúa là 68,37 ha;

+ Diện tích đất khác là 6,13 ha.

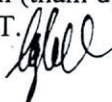
(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

2. Nguyên nhân điều chỉnh: Điều chỉnh diện tích đất trồng lúa từ 67,11 ha thành 68,37 ha; diện tích đất khác từ 7,39 ha thành 6,13 ha do trước đây UBND thành phố Phổ Yên tổng hợp theo bản đồ cũ nay đã tổng hợp theo đúng số liệu bản đồ đo đạc chỉnh lý mới.

Ủy ban nhân dân thành phố Phổ Yên trình Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên phê duyệt ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở TN&MT tỉnh (thẩm định);
- Lưu: VT, TNMT.



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Xuân Trường

Phụ lục III

Điều chỉnh tên, diện tích đối với 02 công trình, dự án trên địa bàn thành phố Phổ Yên

(Kèm tờ trình số 56 /TTr-UBND ngày 14/ 02 /2025 của UBND thành phố Phổ Yên)

Nghị quyết của HĐND tỉnh Thái Nguyên và Quyết định của UBND tỉnh Thái Nguyên đã phê duyệt								Nay điều chỉnh lại như sau								Nguyên nhân, lý do điều chỉnh
STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Sử dụng từ nhóm đất (ha)				STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Sử dụng từ nhóm đất (ha)				
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác					Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác	
A	Nghị quyết 146/NQ-HĐND ngày 12/8/2021 của HĐND tỉnh Thái Nguyên															
1	Cụm công nghiệp Tân Phú 1	Phường Tân Phú, thành phố Phổ Yên	38.69	37.84			0.85	1	Cụm công nghiệp Tân Phú 1	Phường Tân Phú, thành phố Phổ Yên	41.26	40.39			0.87	Điều chỉnh diện tích của dự án giữa 2 phường Tân Phú và Đông Cao; điều chỉnh tăng diện tích đất trồng lúa từ 67,11 ha thành 68,37 ha do trước đây UBND thành phố Phổ Yên tổng hợp theo số liệu bản đồ cũ, nay đã tổng hợp theo đúng hiện trạng và số liệu đo đạc, chỉnh lý bản đồ Giải phóng mặt bằng mới. Quy mô, ranh giới của dự án không thay đổi
		Phường Đông Cao, thành phố Phổ Yên	35.81	29.27			6.54			Phường Đông Cao, thành phố Phổ Yên	33.24	27.98			5.26	
		TỔNG	74.50	67.11			7.39			TỔNG	74.50	68.37			6.13	

Số: 75 /TTr - UBND

Phổ Yên, ngày 28 tháng 02 năm 2025

TỜ TRÌNH
Về việc đề nghị phê duyệt, điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất năm 2025
thành phố Phổ Yên

Kính gửi: Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ - CP ngày 30/7/2024 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ quyết định số 2401/QĐ-UBND ngày 4/10/2023 của UBND tỉnh Thái Nguyên Vv Phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thành phố Phổ Yên thời kỳ 2021-2030;

Căn cứ Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 11/02/2025 của UBND thành phố Phổ Yên về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án: Công viên cây xanh chuyên đề thành phố Phổ Yên (Giai đoạn I: Hạng mục san nền);

Trong quá trình triển khai thực hiện việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất để thu hút đầu tư trên địa bàn thành phố có một số dự án chưa phù hợp trong Kế hoạch sử dụng đất của thành phố Phổ Yên và có một số dự án cần điều chỉnh danh mục, diện tích nhưng đang có nhu cầu cấp thiết cần triển khai thực hiện;

Để có cơ sở thực hiện dự án theo quy định, Ủy ban nhân dân thành phố Phổ Yên đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên phê duyệt, điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của thành phố Phổ Yên với nội dung cụ thể như sau:

*** Tổng số công trình, dự án đề nghị điều chỉnh tên: 01 công trình, dự án**

“Công viên cây xanh chuyên đề thành phố Phổ Yên (Giai đoạn I: Hạng mục san nền)” nay đề nghị điều chỉnh thành “Công viên cây xanh chuyên đề thành phố Phổ Yên”

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

Đây là kế hoạch sử dụng đất cho công trình, dự án mà UBND thành phố Phổ Yên xác định phải thực hiện công tác thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất trong năm 2025.

Tờ trình này thay thế tờ trình số 56/TTr-UBND ngày 14/02/2025 của UBND thành phố Phổ Yên về việc điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Phổ Yên.

Ủy ban nhân dân thành phố Phổ Yên trình Sở tài nguyên và Môi trường
thẩm định, Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên phê duyệt ./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- UBND tỉnh Thái Nguyên;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
K.E. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Xuân Trường

Phụ lục III

Điều chỉnh tên, địa điểm, diện tích đối với 01 công trình, dự án trên địa bàn thành phố Phổ Yên
(Kèm theo Tờ trình số 75/TTr-UBND ngày 28/02/2025 của UBND thành phố phổ Yên)



Nghị quyết của HĐND tỉnh Thái Nguyên và Quyết định của UBND tỉnh Thái Nguyên đã phê duyệt								Nay điều chỉnh lại như sau								Nguyên nhân, lý do điều chỉnh
STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Sử dụng từ nhóm đất (ha)				STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Sử dụng từ nhóm đất (ha)				
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác					Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác	
A	Nghị quyết 107/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 của HĐND tỉnh Thái Nguyên và Quyết định 3422/QĐ-UBND ngày 30/12/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên															
1	Công viên cây xanh chuyên đề thành phố Phổ Yên (Giai đoạn 1: Hạng mục san nền)	Phường Nam Tiến, thành phố Phổ Yên	4.25	3.34			0.91	1	Công viên cây xanh chuyên đề thành phố Phổ Yên	Phường Nam Tiến, thành phố Phổ Yên	4.25	3.34			0.91	Điều chỉnh tên theo Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 11/02/2025 của UBND thành phố Phổ Yên

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **67** /TTr-UBND

TP. Thái Nguyên, ngày **26** tháng **02** năm 2025

TỜ TRÌNH

**Về việc bổ sung danh mục các dự án thu hồi đất, các dự án có
chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng sản xuất và
kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Thái Nguyên**

Kính gửi:

- UBND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tài nguyên và Môi trường.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15; Luật Nhà ở số 27/2023/QH15; Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29/6/2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 2486/QĐ-TTg ngày 20/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2035;

Căn cứ Quyết định số 3237/QĐ-UBND ngày 20/12/2023 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thành phố Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030;

Căn cứ Quyết định số 1318/QĐ-UBND ngày 19/6/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt điều chỉnh quy mô, địa điểm và số lượng dự án, công trình trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thành phố Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030;

Xét đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố tại Văn bản số 118/CV-TNMT ngày 26/02/2025.

UBND thành phố đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, trình HĐND tỉnh thông qua điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án thu hồi đất, các dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng sản xuất và trình UBND tỉnh Thái Nguyên phê duyệt bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của thành phố Thái Nguyên, cụ thể như sau:

Tổng số công trình, dự án bổ sung thực hiện năm 2025 là 12 công trình, dự án, với diện tích sử dụng đất là 23,84 ha. Trong đó:

- 01 công trình, dự án chuyển tiếp sang thực hiện năm 2025, với diện tích sử dụng đất là 0,6 ha.

- 11 công trình, dự án đăng ký mới năm 2025, với diện tích sử dụng đất là 23,24 ha.

(Chi tiết tại phụ lục từ I đến IV kèm theo)

Đề nghị UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, phê duyệt. /g

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo UBND TP;
- Lưu: VT, TNMT.

g

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Tuệ

Phụ lục III

Danh mục dự án thu hồi đất năm 2025 trên địa bàn thành phố Thái Nguyên

(Kèm theo Tờ trình số **67** /TTr-UBND ngày **26** tháng **02** năm 2025 của UBND thành phố Thái Nguyên)

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
I	THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN		23,16	12,83	0,80			9,53
1	Khu tái định cư số 1, phường Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên	Phường Túc Duyên, TPTN	8,27	5,39				2,88
2	Khu tái định cư tổ 7, phường Quang Vinh, thành phố Thái Nguyên	Phường Quang Vinh, TPTN	4,72	1,41				3,31
3	Xây dựng nhà ở xã hội - Ngõi nhà xanh (green house)	Phường Tích Lương, TPTN	0,08	0,07				0,01
4	Khu tái định cư số 2, xã Cao Ngạn, thành phố Thái Nguyên	Xã Cao Ngạn, TPTN	7,06	5,42				1,64
5	Trụ sở Công an xã Cao Ngạn	Xã Cao Ngạn, TPTN	0,30	0,00				0,30
6	Trụ sở Công an xã Linh Sơn	Xã Linh Sơn, TPTN	0,20	0,00	0,20			0,00
7	Trụ sở Công an xã Huống Thượng	Xã Huống Thượng, TPTN	0,14	0,07				0,07
8	Đường dây và Trạm biến áp 110kV Sông Công 5	Phường Tích Lương, TPTN	0,04	0,00				0,04
		Xã Thịnh Đức, TPTN	0,08	0,04				0,04
9	Khuôn viên cây xanh dọc đường Bắc Sơn kéo dài, xã Phúc Xuân, thành phố Thái Nguyên	Xã Phúc Xuân, TPTN	2,27	0,43	0,60			1,24

Phụ lục IV

Danh mục 08 dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng sản xuất, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng năm 2025 trên địa bàn thành phố Thái Nguyên

(Kèm theo Tờ trình số **67** /TTr-UBND ngày **26** tháng **02** năm 2025
của UBND thành phố Thái Nguyên)

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
I	THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN		22,86	12,83	0,80			9,23
1	Khu tái định cư số 1, phường Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên	Phường Túc Duyên, TPTN	8,27	5,39				2,88
2	Khu tái định cư tổ 7, phường Quang Vinh, thành phố Thái Nguyên	Phường Quang Vinh, TPTN	4,72	1,41				3,31
3	Xây dựng nhà ở xã hội - Ngôi nhà xanh (green house)	Phường Tích Lương, TPTN	0,08	0,07				0,01
4	Khu tái định cư số 2, xã Cao Ngạn, thành phố Thái Nguyên	Xã Cao Ngạn, TPTN	7,06	5,42				1,64
5	Trụ sở Công an xã Linh Sơn	Xã Linh Sơn, TPTN	0,20	0,00	0,20			0,00
6	Trụ sở Công an xã Huống Thượng	Xã Huống Thượng, TPTN	0,14	0,07				0,07
7	Đường dây và Trạm biến áp 110kV Sông Công 5	Phường Tích Lương, TPTN	0,04	0,00				0,04
		Xã Thịnh Đức, TPTN	0,08	0,04				0,04
8	Khuôn viên cây xanh dọc đường Bắc Sơn kéo dài, xã Phúc Xuân, thành phố Thái Nguyên	Xã Phúc Xuân, TPTN	2,27	0,43	0,60			1,24

[illegible]

[illegible]